

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-PT
Ngày 22 - 11 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2021/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2021/HS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số ngày 01/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐXXPT-HS ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Văn N, sinh năm 1985 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Tổ dân phố D, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng N nhưng được Tòa án triệu tập:

1. Đoàn Văn T, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hồng Q và bà Đỗ Thị O ; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự:

Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2020; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Thanh Hóa - Cục C10 Bộ Công an, theo Quyết định thi hành án phạt tù số 145/2021/QĐ-CA ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam và Quyết định đưa người đi chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án số 6906/QĐ-C10-P7 ngày 30/8/2001 của Cơ quan quản lý thi hành án Hình sự Bộ Công an; có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thị T và có 01 con; tiền án: Ngày 11/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2020; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N - Cục C10 Bộ Công an, theo Quyết định thi hành án phạt tù số 146/2021/QĐ-CA ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam và Quyết định đưa người đi chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án số 6904/QĐ-C10-P7 ngày 30/8/2001 của Cơ quan quản lý thi hành án Hình sự Bộ Công an; có mặt.

3. Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/10/2019 bị Công an huyện T xử vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “Đánh người gây thương tích”; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2020; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N - Cục C10 Bộ Công an, theo Quyết định thi hành án phạt tù số 144/2021/QĐ-CA ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam và Quyết định đưa người đi chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án số 6904/QĐ-C10-P7 ngày 30/8/2001 của Cơ quan quản lý thi hành án Hình sự Bộ Công an; có mặt.

Ngoài ra còn có 15 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng N, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh Thái là chủ khách sạn M thuê Lê Thị Bích N làm kế toán, làm việc theo giờ hành chính, thuê các nhân viên lễ tân gồm Dương Văn Đ, Dương Tú T và Nguyễn Văn D làm việc theo ca 8 tiếng/ngày. Lê Minh T trực tiếp chỉ đạo các nhân viên lễ tân trên đón khách và sắp xếp phòng cho khách, cụ thể: Đối với những khách đến nghỉ T thường thì sắp xếp nghỉ tại tầng 2 của khách sạn

với giá phòng đơn là 450.000đ/ngày; phòng đôi là 700.000đ/ngày; những khách muốn thuê địa điểm để “bay lắc, sập” (sử dụng trái phép chất ma túy) thì sẽ được nhân viên lễ tân sắp xếp phòng đôi ở tầng 3 và tầng 4, với giá thuê phòng 1.200.000đ/ngày và cho thuê loa, đèn nháy để phục vụ việc sử dụng ma túy, mỗi bộ loa, đèn cho thuê với giá 500.000đ. Lê Thị Bích N biết rõ T chỉ đạo các nhân viên lễ tân cho khách thuê phòng, loa, đèn nháy để cho khách tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tố giác.

Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 08/11/2020, Công an thành phố P kiểm tra phát hiện, bắt quả tang tại khách sạn M có 04 phòng gồm các phòng: 306, 401, 405, 406 đang có các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy cụ thể như sau:

Tại phòng 306: Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2020, Trần Sĩ Q gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn H đi bay lắc sử dụng ma túy, H đồng ý. H và Q thống nhất H chuẩn bị ma túy, Q trả tiền thuê phòng. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Vũ Văn H1 nói “H có ít đồ mang lên chơi, nó đi taxi từ dưới cầu N lên, nó lên thì cậu cho nó vay tiền để trả tiền taxi”, H1 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H thuê xe taxi đi đến thành phố P, trên đường đi H gọi điện thoại cho một người đàn ông nói: “Bán cho chi ke”, người đàn ông đồng ý và bảo mang 3.000.000 đồng lên khu vực Cầu Mới. Khi đến cầu C thuộc tổ dân phố H, phường T, thành phố P, Hải đi xuống đường bờ kè gặp một người đàn ông khoảng 35 tuổi đưa cho người này 3.000.000đ và nhận lại 02 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Biết đó là ma túy nên Hải cầm rồi đón xe taxi đi đến phòng trọ của H1 tại thôn 1, xã P, thành phố P xin H1 200.000đ trả tiền taxi. H gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Trà M rủ M đến phục vụ cùng sử dụng ma túy thì M đồng ý. Q đi đến phòng trọ của H1 thì H đưa cho Q 02 túi ma túy vừa mua được. Đến khoảng 00 giờ ngày 08/11/2020, H1, H, Q chuẩn bị đi ra xe taxi thì có Hoàng Thị T ở trọ cạnh phòng của H1 được Q mời đi cùng. Ngay lúc đó thì có Đặng Duy T đi xe máy đến cũng muốn đi cùng với nhóm của Q, H, H1. T về nhà lấy 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe máy đi ra quán Mai Linh ở phường L, thành phố P đón Vũ Đăng H đi cùng. H1 gọi điện thoại cho Bồn Thị V rủ đến khách sạn M phục vụ và cùng sử dụng ma túy. Khi đến khách sạn M, Q và H hỏi lễ tân của khách sạn là Dương Văn Đ để đặt phòng. Q đưa cho Đ 1.000.000đ để đặt cọc tiền phòng, H lấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị Thúy Q (do H nhặt được) đưa cho Đ thì được Đ cho thuê phòng 306. Q, H, H1, V, M, Hoàng Thị T cùng đi lên phòng 306 và Q lấy ra 02 túi nilon chứa ma túy để trên bàn. Dương Văn Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Tuấn A mang loa, đèn vào phòng 306 cắm bật rồi đi xuống. Sau đó, H1 đốt giấy vệ sinh để hơi nóng đĩa sứ màu trắng hình tròn có sẵn trong phòng, rồi lấy 01 túi ma túy xé vỏ đổ ra đĩa, lấy chiếc thẻ

cứng màu vàng của H1 đảo ma túy trên đĩa (xào ke). Sau khi xào ke xong, H1 lấy tờ tiền mệnh giá 10.000đ ở dưới đất cuộn thành hình ống hút rồi bóc ba đoạn vỏ đầu lọc thuốc lá giữ lại tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy. H1 kẻ thành hai đường ke cho H và Q lần lượt sử dụng trước rồi đến lượt Hoàng Thị T, M, V sử dụng. Khoảng 20 phút sau, Đặng Duy T và Vũ Đăng H đến, Đặng Duy T để áo khoác có túi ma túy loại ketamine lên lỗ tủ, lúc này H1 tiếp tục hơ nóng đĩa sứ màu trắng hình bầu dục rồi lấy túi ma túy còn lại xé vỏ đổ ra đĩa xào ma túy. Sau khi xào xong, H1 sử dụng rồi đến Đặng Duy T sử dụng, còn H ngủ không sử dụng. Đến khoảng 02 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

+ Thu tại phòng 306: 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01); 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02); 01 túi nilon màu trắng bên trong có mảnh viên nén màu xanh (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03); 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn có bảm dính chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ cứng màu vàng có chữ VL bảm dính chất tinh thể màu trắng, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, hai đầu giữ bằng vỏ đầu lọc thuốc lá (được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu QT05); 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, 02 túi nilon màu trắng (01 túi có kẹp nhựa viền màu đỏ, 01 túi có kẹp nhựa viền màu xanh) (được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu QT06); 01 chiếc đèn nháy laser điện màu đen có chữ MP7979; 02 loa màu đen đều có chữ Harman/Kardon.

+ Thu giữ của Đặng Duy T: 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT04), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng hồng.

+ Thu giữ của Vũ Văn H1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

+ Thu giữ của Trần Sĩ Q: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám.

+ Thu giữ của Vũ Đăng H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia, 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 90B2-722.34.

+ Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

+ Thu giữ của Nguyễn Thị Trà M: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ.

+ Thu giữ của Hoàng Thị T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng.

+ Thu giữ của Bồn Thị V: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

Tại Bản kết luận giám định số 213/PC09-MT ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,439g, loại: Ketamine.

+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,521g, loại: Ketamine.

+ 01 viên nén màu xanh không còn nguyên vẹn trong phong bì ký hiệu QT03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,182g, loại: MDMA.

+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT04 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,047g, loại: Ketamine.

+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ của ngân hàng nhà nước Việt Nam, 01 thẻ nhựa màu vàng trong hộp ký hiệu QT05 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine.

+ 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục; 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ; 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu xanh trong hộp ký hiệu QT06 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine”.

Ngày 08/11/2020, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố P thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Đặng Duy T. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 08/11/2020, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố P thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Nguyễn Văn H. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại phòng 401: Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2020, Đoàn Văn T gọi điện thoại cho Phạm Văn N nói “Anh ơi có đi chơi không?”, ý T rủ N đi sử dụng ma túy. N hỏi “Thế bây giờ như thế nào?”, T trả lời: “Em chịu tiền “đồ” còn anh chịu tiền phòng và nhân viên”, cả hai đều hiểu tiền “đồ” là tiền ma túy. Sau đó T nhắn tin cho N nội dung “Tiền đồ em chịu, anh lo tiền phòng với nhân viên”, N nhắn lại “Gọi gái có chơi được không”, T nhắn “Em thiết kế cho anh chơi được, ý anh sao”, N đồng ý và bảo T đón tại bến xuất K135 thuộc phường C, thành phố P. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90B2-003.69 chở N đi rút tiền rồi đến khách sạn M. T gặp Dương Văn Đ để đặt phòng và nói với Đ là “Anh đi sập”. N đưa cho T 1.500.000đ và đưa chứng minh nhân dân của N cho

Đ để đặt phòng, Đ đưa thẻ phòng 401 cho T. Khi lên phòng 401, N lên giường nằm, T gọi điện thoại cho một người thanh niên tên T khoảng 26 tuổi ở tổ 4, phường T, thành phố P để hỏi mua hai chỉ Ketamine và hai viên ma túy tổng hợp. Sau đó T gọi điện cho Đ bảo Đ mang loa, đèn lên phòng lắp. T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn B nhờ B gọi cho hai nhân viên lên phòng 401. Một lúc sau, T lên phòng 401 đưa cho T 03 túi ma túy gồm 02 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi có chứa hai viên nén màu xanh, rồi bỏ đi. T dùng điện thoại kết nối Bluetooth với loa, bật nhạc mạnh rồi nằm trên giường. B và Nguyễn Quốc H thuê xe taxi đi đến phòng 401, khách sạn M, thấy trên giường có một đĩa sứ màu trắng hình tròn và ba túi ma túy, B nói với T “Đề tôi xào cho”, H2 tự cầm đĩa sứ màu trắng hình tròn, dùng bật lửa ga đốt giấy vệ sinh hơi nóng đáy đĩa rồi đưa cho B, B cầm 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng xé vỏ đồ ra đĩa, T cầm 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi có chứa hai viên nén màu xanh còn lại đút vào túi quần đang mặc rồi nói với B “Anh tôi không thích chơi với người lạ, chúng mày T cầm chúng mày về”, B trả lời “Đợi nhân viên lên rồi tôi với H2 về”, rồi B hỏi T “không có thẻ xào à”. T hỏi N mượn thẻ, N móc ví lấy giấy phép lái xe đưa cho T, T cầm đưa cho B để xào ma túy. H2 nói với T “Cho tôi nửa viên kẹo”, T không đồng ý. Một lúc sau B hỏi T “Cho tôi một nửa viên kẹo”, T đồng ý cho B một nửa viên ma túy loại kẹo và B sử dụng hết. Sau khi xào ma túy xong, B kẻ thành ba đường ke, phần còn lại để gọn trong đĩa rồi B lấy tờ tiền mệnh giá 10.000đ cuộn thành hình ống hút, H2 bóc ba đoạn vỏ đầu lọc thuốc lá rồi đưa cho B giữ tờ tiền lại tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy. Lần lượt T sử dụng hai đường ke, B sử dụng một đường ke. H2 tự lấy thẻ kẻ thành hai đường ke, H2 sử dụng một đường rồi đưa cho T sử dụng một đường. Sử dụng xong, B nhắn tin cho Lê Hồng A rủ đến khách sạn M chơi và mượn điện thoại của H2 vào zalo của B gọi nhân viên. N dậy đi ra khỏi phòng thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

* Thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

+ Thu tại phòng 401: 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu xanh, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01); 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ được giữ bằng vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N (được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu QT02); 01 loa bằng kim loại màu đen hình tròn có tay cầm màu trắng có ký hiệu Harman/Kardon; 01 đèn nháy bằng nhựa hình tròn màu ghi; 01 đèn nháy hình vuông bằng kim loại màu đen.

+ Thu giữ của Đoàn Văn T: 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu xanh, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu xanh bên trong chứa viên nén màu xanh (niêm phong trong

phong bì ký hiệu QT03); số tiền 1.000.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-003.69.

+ Thu giữ của Nguyễn Quốc H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

+ Thu giữ của Phạm Văn N số tiền 5.200.000đ.

+ Thu giữ của Nguyễn Văn B số tiền 600.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 214/PC09-MT ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,494g loại: Ketamine.

+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N trong hộp ký hiệu QT02 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine.

+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,503g loại: Ketamine.

+ Mẫu viên nén màu xanh trong phong bì ký hiệu QT03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,346g loại: MDMA”.

Ngày 09/11/2020, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố P thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Đoàn Văn T. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại phòng 405: Ngày 07/11/2020, Vũ Công T rủ Vũ Xuân T và Trần Công M đến khách sạn M sử dụng ma túy. T lấy 3.700.000đồng đưa cho T để T mua ma túy. Khi về đến khu vực vườn hoa Nam Cao thuộc tổ 1, phường Q, thành phố P, M, T, T gặp một nam thanh niên tên là T khoảng 28 tuổi, T bảo T lấy cho một chỉ ma túy loại Ketamine và ba viên ma túy tổng hợp, đồng thời nhờ T đặt phòng ở khách sạn M, gọi ba nhân viên phục vụ và thuê loa, đèn, T đồng ý. M, T, T đến khách sạn M lên phòng 405 thì có Nguyễn Thị T, Hoàng Thị C Bùi Thị B đang đứng đợi ở hành lang, khoảng 10 phút sau thì Đ mang loa đèn vào phòng cắm bật rồi đi xuống. Sau đó có một thanh niên mang ma túy đến để trên kệ tivi, T lấy 3.700.000đồng đưa cho người thanh niên, người này cầm tiền rồi bỏ đi. T, M, T lấy mỗi người một viên ma túy kẹo rồi bẻ mỗi viên thành hai nửa, M đưa cho C, T đưa cho T, T đưa cho B. T, M, T sử dụng còn T, B, C không sử dụng mà cho vào bồn cầu nhà vệ sinh xả đi. Một lúc sau T nói “Ai biết xào ke thì xào đi”. T đưa cho B 02 túi ma túy loại Ketamine, B lấy đĩa sứ màu trắng, đốt giấy vệ sinh hơi nóng đáy đĩa rồi lấy 01 túi ma túy xé vỏ đổ ra đĩa, dùng thẻ ATM của T đưa để xào ke. Sau đó M nói “Ai có mười nghìn, hai mươi nghìn thì bỏ ra để cuốn tẩu” thì T lấy tờ tiền mệnh giá 20.000đ đưa cho C

để cuộn dụng cụ hít ma túy. Sau khi B xào ma túy xong thì T kẻ chỉ thành 06 đường rồi lần lượt 06 người sử dụng ma túy. Khoảng mấy phút sau, B tiếp tục lấy túi ma túy còn lại ra xào tiếp rồi kẻ chỉ cho 04 người lần lượt sử dụng ma túy, T, C không sử dụng ma túy lần này. Đến khoảng 02 giờ 45 phút ngày 08/11/2020 thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

* Thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

+ Thu tại phòng 405: 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đ đều có bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu QT01); 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02); 02 túi nilon màu trắng bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03); 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK mang tên Vũ Xuân Trường; 01 loa bằng kim loại màu đen có tay cầm màu trắng có ký hiệu Hariman/Kardon; 01 đèn nền nháy bằng nhựa hình tròn màu ghi; 01 đèn nháy bằng kim loại màu đen, hình vuông.

+ Thu giữ của Vũ Công T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

+ Thu giữ của Trần Công M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

+ Thu giữ của Vũ Xuân T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

+ Thu giữ của Hoàng Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng.

+ Thu giữ của Bùi Thị B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng.

+ Thu giữ của Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng.

Tại Bản kết luận giám định số 215/PC09-MT ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong hộp ký hiệu QT01 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine.

+ Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,027g loại: Ketamine.

+ 02 túi nilon màu trắng trong phong bì kí hiệu QT03 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine”.

Tại phòng 406: Khoảng 16 giờ ngày 07/11/2020, có một nam thanh niên khoảng 20 tuổi đến khách sạn M hát đặt phòng và đưa cho Nguyễn Văn D 1.500.000đ, D đồng ý cho thuê phòng 406. Người thanh niên thuê loa, đèn nháy và tự xách lên phòng 406, sau đó đi ra ngoài. Trần Anh T và Quách Hà T lên phòng 406 của khách sạn M sử dụng ma túy loại Ketamine bằng hình thức hít ma túy qua đường mũi rồi cả hai cùng lên giường nằm ngủ. Sau khi ăn tối xong, T, T cùng với K (bạn của T) và Ngô Minh T lại về phòng 406, một lúc sau T và K về, còn T và T, cả hai cùng sử dụng ma túy loại ketamine rồi tiếp tục nằm ngủ đến khoảng 02 giờ 45 phút ngày 08/11/2021 thì bị lực lượng Công an kiểm tra, lập biên bản.

+ Thu tại phòng 406: 01 túi nilon màu trắng kẹp nhựa viền đỏ (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01); 01 căn cước công dân mang tên Quách Hà T (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT05); 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn và 02 ống hút được giữ bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ (niêm phong trong hộp giấy ký hiệu QT06); 01 loa màu xanh có tay cầm màu vàng; 01 đèn hình tròn màu ghi; 01 đèn có chữ “laser show” màu đen.

+ Thu giữ của Ngô Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng.

+ Thu giữ của Quách Hà T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng.

Tại bản kết luận giám định số 212/PC09-MT ngày 12/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“ - Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,075g, loại Ketamine.

- 01 thẻ căn cước công dân số 038303010018 mang tên Quách Hà T trong phong bì ký hiệu QT05 gửi giám định không bám dính ma túy loại: Ketamine.

- 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, 02 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong hộp ký hiệu QT06 gửi giám định có bám dính ma túy loại: Ketamine”.

Ngày 30/11/2020, Bệnh viện tâm thần tỉnh Hà Nam trả lời kết quả về việc xác định tình trạng nghiện ma túy xác định: Nguyễn Văn H, Vũ Văn H1, Trần Sĩ Q, Đặng Duy T, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quốc H2, Phạm Văn N, Vũ Xuân T, Vũ Công T, Trần Công M, Bùi Thị B, Hoàng Thị C, Nguyễn Thị T đều không nghiện ma túy.

Ngày 08/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lê Minh T tại khách sạn M, thuộc Tổ dân phố D, phường C, thành phố P, thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

+ 10 chứng minh nhân dân gồm: Phạm Huy H; Trương Văn L; Trịnh Nam S; Trần Quý Đ; Nông Thị Thúy Q; Nguyễn Thị H; Trần Minh H; Phạm Văn N; Đoàn Khánh S, Đào Tiến M.

+ 10 căn cước công dân gồm: Vũ Thanh T; Phạm Văn M; Lưu Trường G; Nguyễn Văn H (02 căn cước công dân); Cao Văn T; Phạm Văn N; Lê Mạnh K; Nguyễn Hồng S; Lê Văn V.

+ 02 giấy phép lái xe mang tên Lê Minh H, Trần Ngọc X.

+ 07 đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nguyễn A; Nguyễn Văn M; Nguyễn Chung D; Trần Công B; Vũ Văn H; Cao Tiến Đ; Trần Đại V.

+ 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà đất giữa Vũ Đức H, Trần Thị T và Lê Minh T; 01 hợp đồng mua bán giữa Vũ Đức H và Trần Văn P; 01 phiếu thu tiền, người nộp tiền Trần Thị T; 03 tờ giấy vay tiền viết tay của Phạm Văn C; Nguyễn Văn H; Phạm Văn H; 01 quyền giấy vay tiền đã sử dụng 07 tờ giấy vay tiền, tên người vay là Lã Trịnh Thanh N; Phạm Văn C; Hoàng Việt T; Đỗ Văn C; Nguyễn Văn H.

+ 01 quyền sở hữu giao ca bộ phận lễ tân; Số tiền 90.000.000đ; 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION; 02 loa hình tròn màu đen có tay cầm nhãn hiệu Harman/Kardon; 01 loa nhãn hiệu JBL màu đen (loại loa dài); 05 đèn nền, nháy bằng nhựa hình tròn (01 màu trắng, 04 màu ghi) đều ký hiệu LA; 01 đèn nháy nhãn hiệu show bằng kim loại màu đen; 02 ổ cắm dây điện màu đen; 01 con dao chiều dài 70 cm, cán dao dài 40 cm; 01 con dao dài 50cm.

* Vật chứng, tài sản thu giữ của Lê Minh T và Dương Văn Đ:

+ Thu giữ của Dương Văn Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu X1205 màu đen; số tiền 12.920.000đ.

+ Thu giữ của Lê Minh T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2021/HS-ST ngày 14/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự; Các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với Phạm Văn N.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 07 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2020.

3. Xử lý vật chứng và các tài sản thu giữ:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì niêm phong mặt trước lần lượt ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT01; QT03 số 214/PC09-MT và 01 (một) hộp niêm phong mặt trước lần lượt ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT” trừ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và một giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 10.000 đồng được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có số IMEI 356559100294219 thu giữ của Đoàn Văn T; 01 (một) loa bằng kim loại màu đen hình tròn có tay cầm màu ghi có ký hiệu Harman/Kardon; 01 (một) đèn nền nháy bằng nhựa hình tròn màu ghi (không có ký hiệu); 01 (một) đèn nháy laser bằng kim loại màu đen, hình vuông (không có ký hiệu).

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”.

- Trả lại bị cáo Đoàn Văn T số tiền 1.000.000đ; trả lại bị cáo Phạm Văn N số tiền 5.200.000 đồng; trả lại bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 600.000 đồng; trả lại Nguyễn Quốc H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng có số IMEI 358610073400966.

4. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Dương Tú T, Dương Văn Đ, Nguyễn Văn D phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn H, Trần Sĩ Q phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Quốc H2, Vũ Công T, Vũ Xuân T, Trần Công M, Bùi Thị B, Hoàng Thị C, Nguyễn Thị T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo Đặng Duy T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Thị Bích N phạm tội “Không tố giác tội phạm” và quyết định mức hình phạt, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/7/2021, bị cáo Phạm Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn N thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với Phạm Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn N cho rằng bị cáo được Đoàn Văn T rủ đi thuê phòng để mua dâm, không có mục đích sử dụng ma túy; bị cáo bị say rượu nên khi lên phòng 401 khách sạn M bị cáo ngủ; Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc H2 đến và sử dụng ma túy cùng Đoàn Văn T bị cáo không biết. Vì vậy bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Bị cáo Đoàn Văn T khai: Tối ngày 07/11/2020, sau khi uống rượu, bị cáo rủ bị cáo Phạm Văn N đi thuê phòng để sử dụng ma túy; việc sử dụng ma túy có nhân viên nữ phục vụ sử dụng cùng và có thể mua bán dâm; bị cáo chịu trách nhiệm trả tiền ma túy, bị cáo N trả tiền phòng và nhân viên nữ. Khi lên phòng 401 khách sạn M, bị cáo N nằm ngủ, mặt quay vào tường. Sau đó, bị cáo gọi điện thoại mua ma túy của người tên Trọng và gọi điện cho bị cáo Nguyễn Văn B bố trí nhân viên nữ. Các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc H2 tự đến phòng 401 và sử dụng ma túy cùng bị cáo. Bị cáo N biết bị cáo mượn Giấy phép lái xe để xào ma túy.

Bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc H2 đều khai: Tối ngày 07/11/2020, sau khi bị cáo T gọi điện nhờ bị cáo B bố trí nhân viên nữ đến phòng 401 khách sạn M, bị cáo B rủ bị cáo H2 tự đến phòng 401 khách sạn M rồi sử dụng ma túy cùng bị cáo T. Các bị cáo không rõ bị cáo N có biết các bị cáo đến và sử dụng ma túy cùng bị cáo T hay không; bị cáo H2 khai khi bị cáo T hỏi mượn thẻ để xào ma túy thì bị cáo N nghiêng người, mặt quay ra phía giường đối diện, lấy giấy phép lái xe trong ví đưa cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đảm bảo đúng quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, bị cáo thay đổi kháng cáo với nội dung không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều

342 Bộ luật Tố tụng hình sự. Như vậy kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo Đoàn Văn T là phù hợp với tin nhắn lưu trên điện thoại của các bị cáo và phù hợp với chính bản tự khai và lời khai ban đầu của bị cáo Phạm Văn N. Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2020, Đoàn Văn T gọi điện thoại và nhắn tin rủ Phạm Văn N thuê phòng để sử dụng ma túy cùng nhân viên nữ và mua dâm; T và N thống nhất, T chịu trách nhiệm trả tiền ma túy, N trả tiền phòng khách sạn và tiền nhân viên nữ. Sau đó, T đi xe mô tô đón N đến khách sạn M thuê phòng 401.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn T và bị cáo Nguyễn Quốc H2 đều khẳng định khi bị cáo T hỏi mượn thẻ để xào ma túy thì bị cáo N có hỏi mượn thẻ để làm gì thì bị cáo T trả lời để xào ma túy, sau đó bị cáo N nghiêng người quay mặt lại phía giường đối diện lấy giấy phép lái xe đưa cho bị cáo T.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn N cho rằng bị cáo và bị cáo Đoàn Văn T rủ nhau thuê phòng khách sạn chỉ với mục đích mua dâm, không có mục đích sử dụng ma túy; khi lên phòng 401 khách sạn M, do say rượu nên bị cáo ngủ, không nhớ gì và không biết các bị cáo khác sử dụng ma túy tại phòng 401 khách sạn M là không có căn cứ, không đúng sự thật.

Căn cứ vào lời khai của Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc H2; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ niêm phong vật chứng; kết luận giám định về chất ma túy; tin nhắn lưu trên điện thoại của các bị cáo và căn cứ vào bản tự khai, lời khai ban đầu của bị cáo Phạm Văn N, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 07/11/2020, Đoàn Văn T gọi điện thoại và nhắn tin rủ Phạm Văn N thuê phòng để sử dụng ma túy cùng nhân viên nữ và mua dâm; T chịu trách nhiệm trả tiền ma túy, N trả tiền phòng khách sạn và tiền mua dâm. Sau đó, T đi xe mô tô đón N đến khách sạn M, thuê phòng 401, N đưa cho T 1.500.000đ và chứng minh nhân dân của mình để đặt phòng. Khi lên phòng 401, N lên giường nằm; T gọi điện thoại cho một người thanh niên tên T mua hai chỉ Ketamine và hai viên ma túy tổng hợp và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn B nhờ B gọi cho hai nhân viên nữ lên phòng 401. Một lúc sau, T lên phòng 401 đưa cho T 03 túi ma túy gồm 02 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi có chứa hai viên nén màu xanh. B và Nguyễn Quốc H2 tự lên phòng 401, thấy trên giường có một đĩa sứ màu trắng hình tròn và ba túi ma túy, B nói với T “Đề tôi xào cho”; H2 tự cầm đĩa sứ màu trắng hình tròn, dùng bật lửa ga đốt giấy vệ sinh hơi nóng đẩy đĩa rồi đưa cho B, B cầm 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng

xé vỏ đồ ra đĩa; T cầm 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi có chứa hai viên nén màu xanh còn lại đút vào túi quần đang mặc. T hỏi N mượn thẻ để xào ma túy thì N nói mượn thẻ để làm gì thì T nói để xào ma túy, sau đó N nghiêng người quay mặt lại phía giường đối diện lấy giấy phép lái xe đưa cho T, T cầm đưa cho B xào ma túy. Sau khi xào ma túy xong, B kẻ thành ba đường ke, phần còn lại để gọn trong đĩa rồi B lấy tờ tiền mệnh giá 10.000đ cuộn thành hình ống hút, H2 bóc ba đoạn vỏ đầu lọc điều thuốc lá rồi đưa cho B giữ tờ tiền lại tạo thành dụng cụ sử dụng ma túy. Lần lượt, T sử dụng hai đường ke, B sử dụng một đường ke. H2 tự lấy thẻ kẻ thành hai đường ke rồi sử dụng một đường, đưa cho T sử dụng một đường. Sử dụng ma túy xong, B nhắn tin cho Lê Hồng A rủ đến khách sạn M và mượn điện thoại của H2 vào zalo của B gọi nhân viên nữ. Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 08/11/2020, N dậy đi ra khỏi phòng thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Như vậy, với hành vi nêu trên của Phạm Văn N, Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2021/HS-ST ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do đó, nội dung kháng cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo Phạm Văn N là không có căn cứ pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: Bị cáo Đoàn Văn T là người khởi xướng, rủ bị cáo Phạm Văn N thuê phòng sử dụng ma túy, trực tiếp đặt phòng và mua ma túy nên có vai trò chính; bị cáo Phạm Văn N đồng ý và chịu trách nhiệm trả tiền phòng, tiền nhân viên nữ nên giữ vai trò đồng phạm sau bị cáo T; các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Quốc H2 có hành vi chuẩn bị công cụ phương tiện để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác nên có vai trò là người thực hành.

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn N có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn N đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an địa phương, là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội

phạm chung cho xã hội. Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có nhân thân tốt; tại phiên tòa đã phần nào thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự - Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 07 năm 02 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thành khẩn khai báo hành vi của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, lẽ ra, cần phải tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng do không có kháng N tăng hình phạt nên cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Bản án sơ thẩm quyết định xử lý vật chứng là chính xác, đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Do bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N là không có căn cứ pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 98/2021/HS-ST ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo Phạm Văn N.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 47; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt Phạm Văn N 07(Bảy) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn trả QT01; QT03 số 214/PC09-MT” và 01 (một) hộp niêm phong mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”, trừ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và một giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 10.000 đồng được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có số IMEI 356559100294219 thu giữ của Đoàn Văn T; 01 (một) loa bằng kim loại màu đen hình tròn có tay cầm màu ghi có ký hiệu Harman/Kardon; 01 (một) đèn nền nháy bằng nhựa hình tròn màu ghi (không có ký hiệu); 01 (một) đèn nháy laser bằng kim loại màu đen, hình vuông (không có ký hiệu).

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng); 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn N, được niêm phong trong hộp ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT02 số 214/PC09-MT”.

- Trả lại bị cáo Đoàn Văn T số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trả lại bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); trả lại Nguyễn Quốc H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng có số IMEI 358610073400966.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải

